

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN**



Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hón Quản, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn tổng quyết toán
ngân sách nhà nước huyện Hón Quản năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 25/07/2022 của UBND tỉnh Bình Phước việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hón Quản khóa XII, kỳ họp thứ 4 về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán điều chỉnh chi ngân sách huyện Hón Quản năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hón Quản khóa XII, kỳ họp thứ 4 về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022,

Xét đề nghị của UBND huyện tại Báo cáo số /BC-UBND ngày /07/2023; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày /07/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước huyện Hón Quản năm 2022 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 641.146.929.162 đồng.
2. Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương
 - a) Tổng thu ngân sách địa phương: 1.284.207.799.997 đồng.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 1.260.580.418.370 đồng (bao gồm cả số chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022; chi bổ sung cho ngân sách cấp xã)

c) Kết dư ngân sách địa phương: 23.627.381.627 đồng.

3. Quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện

a) Tổng thu ngân sách cấp huyện: 1.035.538.255.245 đồng.

b) Tổng chi ngân sách cấp huyện: 1.035.538.255.245 đồng.

(Chi tiết theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện; các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ địa biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND - UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực huyện ủy (b/c);
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các cơ quan huyện: kho bạc, thuế;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.HĐND - UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 HUYỆN HỒN QUẢN

(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HDND ngày / /2023 của HDND huyện Hồn Quản)

Đơn vị tính: đồng.

Phần thu	Tổng số	Chia ra		Phần chi	Tổng số	Chia ra	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã			Ngân sách huyện	Ngân sách xã
Tổng số thu	1.284.207.799.997	1.035.538.255.245	248.669.544.752	Tổng số chi	1.260.580.418.370	1.035.538.255.245	225.042.163.125
A- Tổng thu cân đối ngân sách địa phương	1.284.207.799.997	1.035.538.255.245	248.669.544.752	A- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	1.260.580.418.370	1.035.538.255.245	225.042.163.125
1. Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng	346.286.904.587	322.254.656.829	24.032.247.758	1. Chi đầu tư phát triển	301.267.502.214	198.565.608.954	102.701.893.260
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	712.670.084.000	558.495.500.000	154.174.584.000	2. Chi thường xuyên	514.669.125.882	395.745.447.277	118.923.678.605
3. Thu từ kết dư ngân sách năm trước	-	-	-	3. Chi nộp ngân sách cấp trên	946.000.000		946.000.000
4. Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	224.304.811.410	153.842.098.416	70.462.712.994	4. Chi chuyển nguồn NS năm sau	289.523.206.274	287.052.615.014	2.470.591.260
5. Thu khác			-	5. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	154.174.584.000	154.174.584.000	-
5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	946.000.000	946.000.000					
				B- Kết dư ngân sách	23.627.381.627	-	23.627.381.627

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HỐN QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022- HUYỆN HỐN QUẢN

(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HDND ngày / /2023 của HDND huyện Hồn Quản)

Đơn vị tính: đồng.

CHỈ TIÊU	NSNN	NSTW	NSDP	SỐ QUYẾT TOÁN		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.579.067.824.572	6.005.777.828	1.573.062.046.744	288.854.246.747	1.035.538.255.245	248.669.544.752
A-TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.579.067.824.572	6.005.777.828	1.573.062.046.744	288.854.246.747	1.035.538.255.245	248.669.544.752
I- Thu cân đối ngân sách	641.146.929.162	6.005.777.828	635.141.151.334	288.854.246.747	322.254.656.829	24.032.247.758
I- Thu từ các doanh nghiệp quốc doanh	5.704.107.810	-	5.704.107.810	5.702.795.810	1.312.000	-
- Thuế GTGT	3.350.793.963		3.350.793.963	3.349.481.963	1.312.000	
- Thuế TNDN	2.353.313.847		2.353.313.847	2.353.313.847		
- Thuế TTĐB hàng nội địa	-		-			
2- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	213.636.364	-	213.636.364	213.636.364	-	-
- Thuế GTGT	213.636.364		213.636.364	213.636.364		
3- Thu từ khu vực CTN-NQD	44.207.658.781	-	44.207.658.781	1.565.014.228	40.123.451.830	2.519.192.723
- Thuế GTGT	31.255.235.798		31.255.235.798	1.453.418.572	27.282.624.503	2.519.192.723
- Thuế TNDN	4.942.835.173		4.942.835.173	74.796.039	4.868.039.134	
- Thuế TTĐB hàng nội địa	37.073.210		37.073.210	36.799.617	273.593	
- Thuế tài nguyên	7.972.514.600		7.972.514.600		7.972.514.600	
- Thuế môn bài	-					
- Thu khác	-					
4- Lệ phí trước bạ	58.546.627.723		58.546.627.723		39.159.332.032	19.387.295.691
5- Thuế SDDNN	-					
6- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	614.056.704		614.056.704			614.056.704
7- Thuế thu nhập cá nhân	73.293.245.419		73.293.245.419	36.382.737.934	36.910.507.485	

CHỈ TIÊU	NSNN	NSTW	NSDP	SỐ QUYẾT TOÁN		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
8- Thu thuế bảo vệ môi trường	-					
9- Thu phí, lệ phí:	9.579.134.745	1.897.513.247	7.681.621.498	696.056.850	6.315.092.708	670.471.940
10- Thuế CQSD đất	-					
11- Thu tiền sử dụng đất	259.118.740.886		259.118.740.886	87.149.345.709	171.969.395.177	
12- Thu tiền thuê đất, thuê nước	169.605.940.847		169.605.940.847	143.706.722.018	25.899.218.829	
13- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100.022.000		100.022.000			100.022.000
14- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.499.822.417		13.499.822.417	13.197.783.823	302.038.594	
15- Thu khác tại xã	-					
16- Thu khác ngân sách	6.663.935.466	4.108.264.581	2.555.670.885	240.154.011	1.574.308.174	741.208.700
II- Thu viện trợ	-					
III- Thu chuyển nguồn	224.304.811.410		224.304.811.410		153.842.098.416	70.462.712.994
VI- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	712.670.084.000		712.670.084.000		558.495.500.000	154.174.584.000
V-Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	946.000.000		946.000.000		946.000.000	

Ghi chú: Phần thu bao gồm thu bổ sung ngân sách cấp xã: 154.174.584 đồng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG THU NGÂN SÁCH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO PHÁT SINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HỚN QUẢN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND huyện Hớn Quản)

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	DỰ TOÁN		TỔNG THU	So sánh tỷ lệ (%)	
	UBND TỈNH	HĐND HUYỆN			
A	1	2	3	4=3/1	5=3/2
* TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	371.000.000.000	377.000.000.000	641.146.929.162	173	170
A-TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	371.000.000.000	377.000.000.000	641.146.929.162	173	170
I- Thu cân đối ngân sách	371.000.000.000	377.000.000.000	641.146.929.162	173	170
1- Thu từ các doanh nghiệp quốc doanh	2.500.000.000	2.500.000.000	5.704.107.810	228	228
2- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài			213.636.364		
3- Thu từ khu vực CTN-NQD	50.000.000.000	50.000.000.000	44.207.658.781	88	88
4- Lệ phí trước bạ	43.000.000.000	43.000.000.000	58.546.627.723	136	136
5- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700.000.000	700.000.000	614.056.704	88	88
6- Thuế thu nhập cá nhân	31.300.000.000	37.300.000.000	73.293.245.419	234	196
7- Thu phí, lệ phí:	5.500.000.000	5.500.000.000	9.579.134.745	174	174
8- Thu tiền sử dụng đất	195.000.000.000	195.000.000.000	259.118.740.886	133	133
9- Thu tiền thuê đất, thuê nước	24.000.000.000	24.000.000.000	169.605.940.847	707	707
10- Thu từ đất công ích			100.022.000		
11- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.000.000.000	13.000.000.000	13.499.822.417	104	104
12- Thu khác ngân sách	6.000.000.000	6.000.000.000	6.663.935.466	111	111

BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN HỐN QUẢN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND huyện Hồn Quản)

Đơn vị tính: đồng.

Stt	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Quyết toán năm 2021	Quyết toán năm 2022			SO SÁNH (%)		
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=4/2	9=4/3
A	TỔNG CHI	860.437.000.000	1.079.541.980.112	930.129.855.680	1.260.580.418.370	1.035.538.255.245	225.042.163.125	147	117	136
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	284.718.000.000	390.247.000.000	217.716.043.706	301.267.502.214	198.565.608.954	102.701.893.260	106	77	138
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	561.230.000.000	667.222.578.112	544.419.704.974	514.669.125.882	395.745.447.277	118.923.678.605	92	77	95
1	CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	6.000.000.000	6.116.430.000	1.125.715.000	113.876.860	113.876.860		2	2	10
2	CHI SN KINH TẾ	149.866.000.000	104.826.070.000	85.583.331.116	61.910.456.272	61.796.888.680	113.567.592	41	59	72
3	CHI SN GD & ĐÀO TẠO	211.896.000.000	216.952.848.000	188.625.968.887	187.812.732.007	187.812.732.007		89	87	100
4	CHI SN Y TẾ	36.639.000.000	60.540.488.092	55.454.428.381	40.691.833.562	40.691.833.562		111	67	73
5	CHI SN VH - TDTT	3.717.000.000	5.206.743.000	3.596.619.457	5.104.871.651	5.104.871.651		137	98	142
6	CHI SN TRUYỀN THANH	1.502.000.000	1.764.134.000	1.720.344.000	1.724.082.000	1.724.082.000		115	98	100
7	CHI ĐẢM BẢO XH	16.498.000.000	33.687.210.000	18.048.315.900	15.964.585.650	15.964.585.650		97	47	88
8	CHI QUẢN LÝ HC	97.950.000.000	133.610.446.020	151.476.617.830	156.120.478.970	58.641.991.186	97.478.487.784	159	117	103
9	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	13.495.000.000	45.012.762.000	36.141.979.403	42.066.068.910	20.734.445.681	21.331.623.229	312	93	116
10	CÁC KHOẢN CHI KHÁC NGÂN SÁCH	23.667.000.000	59.505.447.000	2.646.385.000	3.160.140.000	3.160.140.000		13	5	119
III	DỰ PHÒNG	14.489.000.000	20.630.402.000	-	-					

Stt	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Quyết toán năm 2021	Quyết toán năm 2022			SO SÁNH (%)		
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=4/2	9=4/3
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN			-	289.523.206.274	287.052.615.014	2.470.591.260			
V	CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		1.442.000.000	-	-					
VI	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			14.079.711.000	946.000.000		946.000.000			
VII	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ			153.914.396.000	154.174.584.000	154.174.584.000				

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm cả chi chuyển nguồn tạm ứng 2021 sang 2022
- Phần chi bao gồm chi bổ sung ngân sách cấp xã: 154.174.5874.000 đồng.